

Về linh tượng đền Đồng Nhân

PHẠM LAN OANH*

Trong đền thờ Hai Bà Trưng ở Đồng Nhân (thành phố Hà Nội), phần tiếp giáp giữa gian ống muống và hậu cung có bức cốn mê gấn ở vì kèo được trang trí đường diềm bằng văn triện, cải lá lật. Chính giữa bức cốn chạm nổi như bức đại tự có 3 chữ Lưu Ly Điện. Sách nhà Phật dạy rằng điện là một tòa nhà trong ấy có một cái phòng rộng để đức Phật thuyết pháp. Đền thờ thường để dành lại tro tàn, tóc hoặc là đầu móng tay của một đức Phật hay là của một bậc mà người ta rất sùng bái. Muốn cất điện (làm, xây dựng - PLO) và giữ điện phải theo thể lệ chỉ dẫn trong Kinh. Những ai cất điện và làm lễ đi vòng theo điện thì được công đức. Có nhiều điện thờ móng tay và tóc của Phật, tại núi Gaya tại Vagyd và nhiều nơi khác.

Người ta cũng có cất điện thờ tro tàn của đức Xá ly Phật và đức Anan. Có hai cái điện ở Tỳ xá li và ở Hoa Phi thờ đức Anan. Ai cất một cảnh nhà bằng cây chiên đàn⁽¹⁾ để thờ Phật, có công đức cũng bằng cất điện⁽²⁾.

Ngọc lưu ly là thứ đá quý màu xanh da trời, rất mịn và rất đẹp, đồng thời là một bảo vật trong tứ bảo: Kim, ngân, lưu ly, pha lê. Đồng thời cũng là một bảo vật trong thất bảo: Kim, ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não⁽³⁾.

Như vậy, tổng hợp lại theo quan điểm nhà Phật, Lưu ly điện có thể được hiểu với các nghĩa: là ngôi đền quý bằng đá lưu ly; ngôi đền quý có đá lưu ly; nơi đức Phật thuyết pháp có đá lưu ly hoặc được làm bằng đá lưu ly.

Với trường hợp đền thờ Hai Bà Trưng ở Đồng Nhân, chúng tôi hiểu rằng Lưu ly điện gấn bó với việc thờ phụng Hai Bà Trưng với tư cách lưỡng vị Trưng Vương Phật.

Truyền thuyết kể về sự xuất hiện của Hai Bà Trưng ở Đồng Nhân khá kỳ lạ. Tư liệu viết tay của ông Trần Tiến từ năm 1991 còn lưu tại Thư viện Hà Nội cho biết: Tương truyền vào thời Lý dân làng chài ở phường Bồ Cối tức bãi Đồng Nhân sau

* Ths. Phạm Lan Oanh, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch

này ở ven sông Hồng một hôm sau khi đi đánh cá về cắm sào xuống sông để “cột” thuyền vào bờ. Ngay đêm hôm đó, cụ tiên chỉ trong làng được báo mộng rằng: “Cắm sào vào tay mẹ rồi”. Sáng hôm sau cụ tiên chỉ báo lại tin cho mọi người. Làng liền phân công một người giỏi lặn xuống sông thì thấy hai pho tượng vừa trôi đến bãi Đồng Nhân. Dân làng định vớt nhưng không sao vớt được. Sau đó, làng làm lễ xin vớt tượng thì lại được báo mộng rằng không được dùng dây thừng, phải dùng dây hồng điều thì mới rước được tượng. Dân làng y lời, quả nhiên rước được tượng Hai Bà Trưng lên bờ.

Theo huyền tích kể trong Trung vương lưỡng vị thánh sắc thì Hai Bà Trưng sau khi gieo mình xuống Hát Giang thì hóa thành hai pho tượng đá, trôi xuôi, dạt dòng đến bãi Đồng Nhân. Tượng đá nặng, đầu đội mũ trụ, thân mặc áo giáp, hai tay trở lên trời, một chân quỳ, một chân ngả, trông oai phong lẫm liệt như còn đang vẫy vùng giữa đám ba quân. Hai pho tượng lung linh tỏa sáng do khí anh linh của Hai Bà Trưng kết thành. Dân làng Đồng Nhân rước được tượng liền báo cáo lên triều đình. Vua Lý Anh Tông liền truyền cho dân làng lập đền thờ cổ tượng Hai Bà Trưng ở ngay cạnh bờ sông. Lúc đó là năm Đại Định thứ 3 tức năm 1142. Tuy nhiên, theo tài liệu là Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư thì: “Canh Thìn năm thứ 21 (1160), mùa xuân, tháng giêng, làm đền Hai Bà và đền Xuy Vưu ở phương Bố Cái”.

Đồng Nhân là một làng nghèo ven sông

Hồng. Nghề chính của làng là trồng dâu chăn tằm, đánh cá, đến mùa khô thì ném lúa lóc lấy thóc ăn. Sau khi lập đền thờ Hai Bà Trưng, triều đình đã cấp cho làng 2 voi và 30 mẫu ruộng làm ruộng thờ, ruộng tế. Sau 3 năm, vì dân làng không nuôi nổi voi nên triều đình liền thu hồi 2 voi thật, cấp cho 2 voi gỗ sơn đen nhưng ngà voi là ngà thật, đem về thờ phụng. Theo một tài liệu khác thì cặp ngà voi ở đền Đồng Nhân là tặng phẩm triều Lý ban cho dân làng Đồng Nhân để chế voi thờ nên trong thần tích vẫn còn ghi chép hai vế biên văn trích trong tờ biểu dân làng tạ ơn vua Lý về việc ban tặng ấy⁽⁴⁾. Về sau các cố lão còn kể thêm câu chuyện về một kẻ trộm đã lén vào cửa ngà voi. Khi cửa được một nửa ngà thì tên trộm bị “Ngài” phạt, bỗng ngã lăn ra, ôm lấy chân voi mà kêu âm lên.v.v... Cổ lẽ, câu chuyện trên phần nào giải thích về lý do một chiếc ngà voi hiện chỉ còn một nửa.

Sau này, đến thời điểm 1819, khi dòng sông Hồng bị lở, đền Hai Bà Trưng được chuyển vào đất thộn Hương Viên, cạnh chùa làng. Tất cả sự việc liên quan đến sự thay đổi này được phản ánh trong tám bia đá đặt tại sân đền Đồng Nhân. Cũng xin lưu ý thêm rằng hiện nay, trên toàn lưu vực sông Hồng chỉ mới tìm được hai tấm bia đá ghi lại sự tích Trưng Vương cùng có tên Trưng Vương sự tích bi ký.

Chùa làng được đề cập chính là chùa Viên Minh, hiện còn giữ được 09 bia đá, trong đó bài văn bia kỷ niệm chùa Viên Minh (Viên Minh thiên tự kỷ niệm bi

ký)⁽⁵⁾ ghi lại nhiều thông tin liên quan đến chùa và đền Hai Bà. Nội dung liên quan có một số chi tiết như sau:

“... Chùa Viên Minh ở bãi Đồng Nhân là một ngôi chùa cổ của thành Thăng Long. Bên cạnh chùa có đền thờ Hai Bà Trưng. Hai Bà có công đánh đuổi giặc Bắc, dựng nền móng cho đất nước, là người đầu tiên giành độc lập cho nước Nam ta. Sự nghiệp cao cả của bậc anh thư vẫn sáng ngời trong lịch sử, ai là người có tâm huyết mà không chiêm ngưỡng sùng bái? Thiên nam tín nữ các nơi đổ về như nước chảy, như mây họp. Thật là một đền thờ nổi tiếng của đất văn vật vậy.

Việc hương khói trong chùa đều do người trụ trì quản lĩnh, đời này qua đời khác cùng truyền cho nhau... Tiếp đến vị tổ thứ năm hiệu Đàm Thuần sửa lại đền thờ Hai Bà Trưng ngày càng nguy nga tráng lệ, xây thêm một nhà thờ tổ, và một nhà khách... Trải qua mấy năm khẩn trương xây dựng, cả đền và chùa đều đã hoàn thành, sắp đặt huy hoàng, cảnh chùa cao đẹp khiến cơ sở sẵn có được mở rộng và tráng lệ hơn.

Đây cũng do sức Phật mười phương phù hộ và anh linh của Hai Bà Trưng giúp rập, quả phúc vẹn tròn, vui mừng khôn xiết...”.

Như trên đã trình bày, việc Hai Bà Trưng hóa đá và hiển linh đã được các tài liệu ghi chép từ thời Lý qua việc cầu đảo của vua Lý Anh Tông.

Trở lại hai pho tượng trong hậu cung,

theo truyền thuyết, tượng Hai Bà bằng đá trắng, đêm đêm phát ra ánh sáng, tượng đầu đội mũ trụ và hai tay chỉ lên trời. Thực tế, hai pho tượng này có kích thước như nhau, được tạc gắn chặt với bệ sen như hệ thống tượng Phật ngồi trên tòa sen thường thấy trong chùa. Tượng nhìn bên ngoài thấy rằng chất liệu bằng đất sét luyện, da mặt hồng hào, áo váy đắp liền thân tượng.

Chiều cao tính từ đỉnh đầu xuống trán tượng 12cm, từ trán xuống mũi 18cm, từ mũi xuống cằm 6cm, từ cằm xuống giữa ngực 30cm, từ ngực xuống đùi 32 cm, từ đùi xuống bệ sen 15cm, từ bệ sen xuống nền 27cm. Như vậy chiều cao toàn bộ pho tượng là 140 cm. Chu vi 190 cm. ●

Bề dày đầu tượng là 35 cm, bề dày vai tượng 19cm, bề dày từ gối đến hông 59cm.

Chiều ngang đầu tượng 26cm, chiều ngang tai 25 cm, chiều ngang đầu gối 75cm.

Hai tay tượng đưa ra phía trước mặt vượt cao đầu 20 cm. Khoảng cách hai tay là 50cm⁽⁶⁾.

Toàn bộ hai pho tượng được đặt trên bệ thờ cao 93 cm, dài 285 cm, rộng 246 cm. Tượng bà Trưng Trắc đặt bên tả, tượng bà Trưng Nhị đặt bên hữu. Hai pho tượng trông lớn hơn người thực, tượng tạc liền, một chân quỳ, một chân gập ra phía sau. Tượng Hai Bà đầu đội mũ làm bằng chất liệu kim loại đồng dát mỏng, gắn hình chim phượng và rồng. Tượng Bà Trắc mặc áo gấm vàng. Tượng

Bà Nhị mặc áo gấm hồng.

Chuyên gia nghiên cứu về tượng Phật - PGS.TS Trần Lâm Biền⁽⁷⁾ lý giải rằng người ta thường nghĩ rằng hoa sen gắn với đạo Phật, bởi ở nó trong hoa đã có quả như tượng trưng cho một ý nghĩa "Nhân-quả" của Phật pháp, đồng thời hoa sen cũng tượng trưng cho cõi cực lạc. Một trong nhiều ý nghĩa của bông sen vẫn được kể tới là: nơi để sinh ra. Đó là một ý nghĩa bắt nguồn từ thời nguyên thủy. Chúng ta đã gặp những hiện vật của thời đó về người đàn bà, mà bộ phận để sinh ra và bộ phận nuôi dưỡng được cường điệu khá lớn, trong ý nghĩa cầu phồn thực - gốc của hạnh phúc. Cho nên hình ảnh "nơi để sinh ra" của người đàn bà, được nghệ thuật hóa, dưới dạng bông sen, để tượng trưng cho cõi cực lạc, đã không xa lạ với tâm thức cổ xưa và người ta tin tưởng điều đó dưới ý thức mang tính chất tín ngưỡng, tâm linh.

Từ ý kiến trên có thể tạm rút ra là hoa sen mang yếu tố âm. Cho nên, trong kiến trúc người ta như nhìn thấy đá chân tảng chạm đài sen - (âm) làm chỗ kê của chiếc cột như mang hình thức linga - (dương) là một sự kết hợp của âm dương trong thể đối đãi, biểu hiện về sự cầu mong vững bền và sinh sôi nảy nở.

Thông thường hoa sen gắn với đạo Phật. Nó được lan tỏa sang các ngôi đình, đền nhằm biểu hiện sự sang quý, sự tinh tế, vi diệu, thanh cao. Hoa sen cũng gắn với lý nhân quả nhắc nhở người ta nhân nào quả ấy để tránh làm điều ác, hướng

tới điều thiện. Một đặc điểm khác thường nói đến hoa sen là nó được mọc ra từ bùn vươn lên trên cuộc đời ô trọc để tỏa hương thơm cứu vớt các cuộc đời tục lụy.

Người ta gặp đài sen dưới dạng các đá tảng kê chân cột, cũng được thể hiện quanh miệng ấm, miệng thạp, đế vò... bằng gốm, hay đài sen do rồng đội nơi đỉnh cột đá thờ hay bông sen thờ bằng gốm. Đài sen, đa số được làm dưới dạng chạm tròn, như bộ tượng Phật, ở đền Đồng Nhân, với sự xuất hiện của linh tượng Hai Bà Trưng gắn chặt với bộ sen chính là một hình thức linh hóa, gắn kết với Phật giáo qua biểu tượng hoa sen được lan tỏa từ mỹ thuật tác tượng Phật sang tác tượng thánh trong niềm tôn vinh ngưỡng mộ Hai Bà Trưng - Thánh hóa Phật. Cùng với các nghi lễ gắn liền với sinh hoạt Phật giáo của chùa Viên Minh, nghi lễ và sự phụng thờ Hai Bà Trưng tại đền Đồng Nhân chứa đựng rất nhiều yếu tố Phật giáo trong tín ngưỡng thờ anh hùng lịch sử dân tộc.

Với vị trí ở kinh thành, việc thờ phụng Hai Bà Trưng chỉ có tại đền Đồng Nhân và miếu Bạch Đằng. Việc thờ phụng này diễn ra từ khá sớm, khi vua Lý Công Uẩn rời đô về Thăng Long đã tạo ra diện mạo mới mẻ cho vùng đất Đại La xưa kia. Không những là kinh đô của nước, Thăng Long còn là nơi thần linh tụ hội. Các bậc thánh thần linh thiêng mọi miền đất nước đều được triệu vời, hoặc hiển linh về Thăng Long nhằm phù trì cho vương triều ngày càng hùng mạnh. Đây là đặc

điểm nổi bật của thời đại phong kiến trong lĩnh vực ứng xử về văn hóa tâm linh của xã hội trung đại. Vương quyền và thần quyền đã sát cánh cùng nhau để cai trị đất nước. Đối với các bậc nhân thần được liệt hạng thân minh của đất nước như trường hợp Hai Bà Trưng thì càng được trân trọng hơn. Việc hiển linh, linh ứng của Hai Bà Trưng đã được ghi chép trong sử sách để làm tấm gương răn đời rất hữu hiệu. Tấm gương tiết liệt của Hai Bà Trưng quả thật đã trở nên hữu ích cho đất nước, nhất là gặp buổi gian nguy bởi nạn ngoại xâm. Như vậy, trải qua các vương triều phong kiến Việt Nam, Hai Bà Trưng đã nhiều lần được sắc phong, là địa chỉ quốc tế đầu xuân của nhà nước phong kiến. Hai Bà Trưng được gia phong nhiều mỹ tự, dân xã được hưởng nhiều ưu đãi từ phía triều đình. Không những là thánh, là thần, Hai Bà Trưng còn được phong làm Trưng Vương Phật (năm 1533) đã đánh dấu những mốc lớn trong niềm tin tín ngưỡng của người dân kinh thành. Dù vật đổi sao dời, tinh thần uống nước nhớ nguồn, tinh thần giặc đến nhà đàn bà cũng đánh được khơi gợi từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã thực sự trở thành ngọn đuốc soi sáng cho lịch sử dân tộc mỗi khi tổ quốc lâm nguy bởi nạn ngoại xâm. Khi đất nước thanh bình, phúc thần Hai Bà Trưng lại là biểu tượng của sự phù trì dân khang vật thịnh và đời sống đô thị ngày càng phát triển. Việc thờ phụng Hai Bà Trưng ở đền Đồng Nhân luôn được gắn bó với chùa Viên Minh là một bằng chứng

cho sự kết hợp tâm linh hoàn hảo dưới mục đích bảo ngã lê dân (bảo vệ dân lành) trong cả thời loạn lẫn thời bình, trong cả cuộc sống nông nghiệp hay đánh cá và thương mại. Như vậy, từ vị trí nhân thần, Hai Bà đã trở thành những vị thần minh bảo trợ cuộc sống cho cả vương triều lẫn cuộc đời thế tục, trở thành một trong những nơi gửi gắm niềm tin tâm linh của người dân kinh thành Thăng Long qua ngàn năm lịch sử./.

CHÚ THÍCH

1. Cây chiên đàn là một loại cây thơm, mùi hương quý để đốt lấy mùi thơm cúng dâng Phật và đồng thời có tác dụng khử uế trừ穢. Chiên đàn cũng là loại cây có tác dụng chữa bệnh. Quan trọng hơn, người ta quan niệm rằng làm cốt tượng Phật và làm cột kèo ở chùa, tháp bằng gỗ cây chiên đàn - như một loại vật liệu thiêng - thì việc thờ phụng sẽ thiêng liêng hơn.
2. Đoàn Trung Còn (1997), *Phật học từ điển*, Tái bản, quyển I, Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr 561.
3. Đoàn Trung Còn (1997), *Phật học từ điển*, Tái bản, quyển II, Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr 255.
4. Hoa Bằng, *Đền Hai Bà Trưng ở Đồng Nhân*, tạp chí Tri Tân, số 39, ngày 24-3-1942.
5. Ban Hán Nôm (1978), *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, Nxb KHXH, tr 112-113.
6. Nguyễn Bích Vân (2001), *Di tích và lễ hội đền Hai Bà Trưng ở Hà Nội - vấn đề quản lý và phát huy tác dụng của di sản văn hóa*, Luận văn thạc sĩ, HN, tr 35.
7. Trần Lâm Biên, *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.